

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2015/2024/DS-ST.

Ngày: 23/5/2024.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Quốc Hưng;

Ông Nguyễn Cửu Long.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa
án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ
Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số
1870/2023/TLST-DS ngày 09/11/2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”,
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1564/2024/QĐXXST-DS ngày 26/3/2024
và Quyết định hoãn phiên tòa số 1925/2024/QĐST-DS ngày 23/4/2024, giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.**

Địa chỉ trụ sở: 442 **đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Đại diện theo ủy quyền: Bà **KPã H'Min**, sinh năm 1987. Địa chỉ liên hệ: Lầu 8
Tòa nhà ACB Tower, **số D đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh,**
(có mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Quảng H**, sinh năm 1994; CCCD số: 049094014602. Địa chỉ thường trú: **Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam**. Địa chỉ tạm trú: **31/1/1A Đường B, Khu phố C, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – **Ngân hàng Thương mại Cổ phần A** (sau đây gọi là **Ngân hàng A**) – có bà **K H'Min** là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 08/10/2021, **Ngân hàng A** có cấp tín dụng qua Thẻ tín dụng theo yêu cầu của ông **Nguyễn Quảng H** tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng được cấp là 123.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng Thẻ, ông **H** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Mặc dù được nhân viên tín dụng nhắc nhở nhiều lần nhưng ông **H** vẫn không chịu tiếp tục thanh toán, vi phạm nghĩa vụ thanh toán với **A**. Do đó, đến ngày 10/4/2023, **Ngân hàng A** đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông **H** sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/3/2024, ông **H** còn nợ tổng cộng 193.327.134 đồng, trong đó nợ gốc là 138.939.149 đồng, lãi quá hạn là 54.332.985 đồng. Do đó, **Ngân hàng A** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **H** có nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn – ông **Nguyễn Quảng H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa:

- *Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – bà **KPã H'Min** trình bày:* Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả tổng cộng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (23/5/2024) là 202.170.765 đồng, trong đó tiền gốc là 138.939.149 đồng, lãi quá hạn là 63.231.616 đồng. Đồng thời, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Do ông **Nguyễn Quảng H** đã vi phạm các nghĩa vụ trong Hợp đồng tín dụng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông **H** phải trả cho **Ngân hàng A** tổng cộng là 202.170.765 đồng, trong đó tiền gốc là 138.939.149 đồng, lãi quá hạn là 63.231.616 đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, ông **H** có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Xét thấy, nguyên đơn – **Ngân hàng A** khởi kiện yêu cầu bị đơn – ông **Nguyễn Quảng H** thanh toán các khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tranh chấp giữa hai bên xuất phát từ hợp đồng tín dụng, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ cư ngụ tại **thành phố T** nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện, do đó căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không xem xét về thời hiệu khởi kiện vụ án.

- Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông **Nguyễn Quảng H**, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và các phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/10/2021:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày, xác nhận của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Nguyên đơn có cấp tín dụng cho bị đơn theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/10/2021, hạn mức tín dụng là 123.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Lãi suất các bên thỏa thuận được quy định theo từng thời kỳ do Ngân hàng A quy định. Theo đó, mức lãi suất trước 14/7/2023 là 40,5%/năm; sau 14/7/2023 là 45.0%/năm.

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nêu trên được các bên ký kết có hình thức đúng quy định, nội dung các bên thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên tự nguyện ký kết nên phù hợp với quy định tại Điều 401, Điều 402, Điều 405, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 4, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 12 của Luật Ngân hàng N năm 2010, do đó các văn bản trên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc.

Căn cứ Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ ngày 10/4/2023 đối với bị đơn - ông Nguyễn Quảng H có số chứng minh nhân dân 049094014602 thì bị đơn kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 23/9/2021, tính đến ngày 20/3/2023, dư nợ bị chuyển sang quá hạn là 139.514.156 đồng. Đến ngày 13/7/2023, bị đơn thanh toán số tiền 575.006 đồng, do đó số tiền gốc còn lại là 138.939.149 đồng và kể từ tháng 7/2023 đến nay bị đơn không trả cho nguyên đơn thêm bất kì khoản tiền nào khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*” Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”. Căn cứ khoản 9.5 Điều 9 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng A quy định “*... số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản tiền lãi, tiền phí trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch rút tiền mặt, trả góp, mua hàng hóa dịch vụ.*” Căn cứ khoản 9.6 Điều 9 quy định “*Trường hợp Chủ thẻ không thể tiếp tục sử dụng thẻ vì lý do thẻ hết hiệu lực và/hoặc vì lý do bất kỳ nào khác, chủ thẻ vẫn phải tiếp tục thực hiện*

nghĩa vụ thanh toán...cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số dư nợ, các khoản lãi, phí, phạt và các khoản phải trả khác...”. Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng định: “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được nguyên đơn thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của **Ngân hàng A**, do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 138.939.149 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền nợ lãi quá hạn.

Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: “... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”. Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Xét trong quá trình sử dụng Thẻ, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (139.514.156 đồng) sang nợ quá hạn kể từ ngày 20/3/2023 là phù hợp quy định. Theo bảng kê tính lãi, số dư nợ tính lãi nợ quá hạn là 122.910.259 đồng. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 20/3/2023 đến 13/7/2023, số dư nợ tính lãi là 122.910.259 đồng, lãi suất là 40.5%/năm (3.375%/tháng), tiền lãi phát sinh là: 15.683.685 đồng;
- Từ ngày 13/7/2023 đến 05/9/2023, số dư nợ tính lãi là 122.910.259 đồng, lãi suất là 45.0%/năm (3.75%/tháng), tiền lãi phát sinh là: 8.182.793 đồng;
- Từ ngày 05/9/2023 đến 19/10/2023, số dư nợ tính lãi là 122.335.253 đồng, lãi suất là 45.0%/năm (3.75%/tháng), tiền lãi phát sinh là: 6.636.269 đồng.
- Từ ngày 19/10/2023 đến 23/5/2024, số dư nợ tính lãi là 122.335.252 đồng, lãi suất là 45.0%/năm (3.75%/tháng), tiền lãi phát sinh là: 32.728.869 đồng.

Như vậy, tổng tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (23/5/2024) là: 63.231.616 đồng, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu buộc bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm.

Tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định “*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật...*”, xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của **Ngân hàng A** kèm theo cùng ký ngày 08/10/2021 giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về việc trả lãi, lãi suất, do đó theo quy định nêu trên thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/5/2024) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ thì bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong các văn bản nêu trên. Như vậy, yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tính đến ngày 23/5/2024 tổng cộng là **202.170.765** (Hai trăm lẻ hai triệu một trăm bảy mươi nghìn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng, trong đó tiền gốc là 138.939.149 đồng, lãi quá hạn là 63.231.616 đồng. Tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh trên số tiền nợ chưa trả theo lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của **Ngân hàng A** kèm theo kể từ ngày 24/5/2024 cho đến khi bị đơn trả hết số nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Án phí dân sự sơ thẩm được tính trên số tiền 202.170.765 đồng, tương đương án phí sơ thẩm là 10.108.538 (mười triệu

một trăm lẻ tám nghìn năm trăm ba mươi tám) đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280, Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 4; Điều 91; khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 12 Luật **Ngân hàng N** năm 2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á**.

Buộc bị đơn – ông **Nguyễn Quảng H** có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn – **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á** các khoản tiền tính đến ngày 23/5/2024 tổng cộng là **202.170.765** (Hai trăm lẻ hai triệu một trăm bảy mươi nghìn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng, trong đó tiền gốc là 138.939.149 đồng, lãi quá hạn là 63.231.616 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/5/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của **Ngân hàng A** ký ngày 08/10/2021 nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn - ông Nguyễn Nguyễn Quảng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.108.538 (mười triệu một trăm lẻ tám nghìn năm trăm ba mươi tám) đồng. Ông Nguyễn Quảng H chưa nộp án phí.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.001.172 (bốn triệu không trăm lẻ một nghìn một trăm bảy mươi hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000568 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt, niêm yết, thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (Đ-Hà), 12.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Đồi